

CANH TÁC NƯƠNG RÃY CỦA NGƯỜI KHƠ-MÚ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI BẢO VỆ NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐẤT (Nghiên cứu tại bản Co Chai, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La)

ĐẶNG MINH NGỌC

1. Một số vấn đề chung

Xưa nay người ta vẫn cho rằng, trồng trọt trước hết là ở những mảnh vườn, sau đó là nương rẫy, rồi mới đến ruộng. Như vậy, canh tác nương rẫy là một trong những hình thức canh tác cổ xưa nhất còn tồn tại đến ngày nay. Theo Viện Quy hoạch và Thiết kế Bộ Nông nghiệp (1993), trong 2,7 triệu ha đất nông nghiệp ở vùng núi nước ta, có tới 1,4 triệu ha là nương rẫy. Hiện nay, canh tác nương rẫy luôn gắn liền với vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững và vẫn đóng một vai trò rất quan trọng đối với an toàn lương thực. Mặc dù canh tác nương rẫy luôn được coi là thủ phạm làm suy giảm diện tích rừng, nhưng hiện tại, các vùng núi vẫn rất khó khăn trong việc giảm diện tích đất nương rẫy. Giải quyết mối quan hệ giữa canh tác nương rẫy với phát triển bền vững tại vùng cao như thế nào cho phù hợp là vấn đề đã nhận được sự quan tâm đáng kể xã hội.

Những năm qua, trong số các nghiên cứu về canh tác nương rẫy, phải kể đến các công trình nghiên cứu của Trần Đức Viên và cộng sự thuộc Trung tâm Sinh thái nông nghiệp thuộc Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Đó là các nghiên cứu: *Nông nghiệp trên đất*

dốc - thách thức và tiềm năng (Nxb Nông nghiệp, 1996); *Thành tựu, thách thức trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và cải thiện cuộc sống* (Nxb Chính trị quốc gia, 2001); *Kinh nghiệm quản lý đất bỏ hóa sau nương rẫy ở Việt Nam* (Nxb Nông nghiệp, 2001). Ngoài ra, còn có một số nghiên cứu khác: *Biến đổi môi trường dưới tác động của các hệ nhân văn ở Điện Biên, Lai Châu* (Tạ Long - Ngô Thị Chính, 2003); *Tập quán hoạt động kinh tế của một số dân tộc ở Tây Bắc* (Trần Bình, 2001); *Tập quán mưu sinh của các dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam* (Trần Bình, 2005); Sự đe dọa của hình thức canh tác này đối với vấn đề môi trường cũng đã được đặt ra (Khổng Diễn, 1996 & 1999; Bé Viết Đăng, 1996; Đặng Nghiêm Vạn, 1973; Viện Dân tộc học, 1978)... Một vài nghiên cứu đáng chú ý mà kết quả được đăng trong kỷ yếu: *Khoa học và công nghệ bảo vệ và sử dụng bền vững đất dốc* (Nxb Nông nghiệp, 2001), cũng như các luận văn ngắn được công bố trên các tạp chí chuyên ngành.

Hệ canh tác nương rẫy và mối quan hệ của nó với quản lý tài nguyên đất còn được đề cập như là một chủ đề chính trong các công trình nghiên cứu về định canh định cư: *Di dân, kinh tế mới, định canh định cư lịch*

sử và truyền thống (Cục Định canh định cư và vùng kinh tế mới, 2000); báo cáo của DFID *Nghiên cứu về chính sách định canh định cư ở Việt Nam* (DFID, 2005)...

Canh tác nương rẫy truyền thống có một số đặc trưng: gắn liền với chặt, đốt rừng, lợi dụng lớp tro và đất mùn mỏng ở các sườn đồi, chân núi để trồng trọt; đất trồng trọt không được khai thác liên tục vì sau khoảng vài ba năm, đất cạn màu buộc phải hưu canh (bỏ hóa). Nương rẫy cũng không phải là mảnh đất trồng trọt vĩnh viễn vì sau nhiều năm canh tác năng suất cây trồng ngày càng giảm dần; Hình thức canh tác chủ yếu là quảng canh, bên cạnh một mảnh đất canh tác, phải có vài ba mảnh bỏ hóa... Do những đặc điểm trên, nên trong trường hợp dân số tăng ít, canh tác nương rẫy vẫn có thể chấp nhận được, ít làm ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên, thực tế dân số càng ngày càng tăng nhanh, nhu cầu về lương thực, thực phẩm ngày càng cao, trong khi diện tích, năng suất và sản lượng lương thực của nương rẫy không đáp ứng kịp... Diện tích đất rẫy buộc phải bị khai thác cạn kiệt, bạc màu, bỏ hóa ngày càng tăng. Một số quan điểm trong giới nghiên cứu phát triển cho rằng, hiện nay canh tác nương rẫy là không phù hợp, phải thay vào đó việc trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc. Tuy nhiên việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên nương rẫy trong tình hình hiện nay chưa thể khả thi.

Vì thế, diện tích canh tác nương rẫy ở nước ta hàng năm vẫn không ngừng gia tăng. Ở Tây Bắc, số lượng người định cư khai phá thêm nương rẫy vẫn không ngừng tăng, nhất là ở những vùng trồng ngô thương

phẩm. Mặc dù đã có nhiều chính sách bảo vệ rừng, nhiều quy định hạn chế việc phá rừng làm rẫy, nhiều cuộc vận động chuyển hướng canh tác cho cư dân vùng núi... nhưng hàng năm vẫn có thêm nhiều vạt ha rừng bị chặt đốt để làm nương. Đó chính là lý do để chúng tôi công bố bài báo này.

2. Một số nét về bản Co Chai (Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La)

Theo kết quả của cuộc tổng điều tra dân số năm 2009, toàn huyện Mai Sơn có 3.744 người Khơ-mú (chiếm 2,53% tổng dân số toàn huyện), sinh sống xen kẽ với các tộc người khác tại 13 xã (trên tổng số 22 xã và thị trấn) (Tổng cục Thống kê, 2010). Xã Hát Lót thuộc khu vực lòng hồ sông Đà. Tuyến quốc lộ 6 chạy qua địa bàn xã Hát Lót, nối liền thị trấn huyện Mai Sơn với thành phố Sơn La, tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho việc giao lưu, phát triển kinh tế hàng hóa. Hiện nay, ở Co Chai có 347 người Khơ-mú (chiếm 4,08% tổng dân số Hát Lót). Bản này có tổng diện tích 1.242 ha, trong đó đất nông nghiệp là 140 ha, đất lâm nghiệp là 717,4ha. Địa hình dốc, nhiều núi đá, đất đai chủ yếu là feralit đỏ vàng trên đá ong, không thuận lợi cho việc trồng trọt. Khí hậu ở đây chia thành mùa mưa và mùa khô rất rõ rệt. Mùa khô lạnh (tháng 10 - tháng 3), sương muối xuất hiện nhiều, cây trồng khó phát triển; mùa mưa nóng (tháng 9 - tháng 4), là thời gian canh tác chính. Thiếu nước sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô thường diễn ra, vì thế chỉ canh tác cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày là phổ biến, năng suất lại rất thấp. Vì thế, người Khơ-mú ở Co Chai buộc phải lấy phương thức canh tác nương rẫy làm hình thức sinh nhai chính.

3. Canh tác nương rẫy và bảo vệ tài nguyên đất ở Co Chai

3.1. Nương chuyên canh

Trong truyền thống, canh tác nương rẫy của người Khơ-mú ở bản Co Chai là rẫy đa canh, xen canh, trong đó cây lương thực (lúa, ngô, sắn, khoai sọ) được trồng xen với các loại cây thực phẩm (bầu, bí, hành, tỏi ớt), và ngoài ra còn có các loại cây khác như bông, chàm... Ngày nay, do dân số tăng, khoa học kỹ thuật được du nhập, nền kinh tế hàng hóa tác động... nên canh tác nương rẫy ở người Khơ-mú đã thay đổi theo hướng chuyên canh cây lương thực, tùy theo chất đất của nương rẫy.

• Nương lúa

Lúa là loại cây lương thực chính của người Khơ-mú ở bản Co Chai. Hiện nay do rừng già đã hết, người Khơ-mú buộc phải làm nương ở những đám rừng non. Để giữ nước, độ ẩm cho đất, hạn chế sự xói mòn, trước đây người Khơ-mú chỉ khai phá nương ở phần dưới chân dốc. Hiện nay, rừng, đất rừng bị cấm khai thác, xâm phạm nên người Khơ-mú đã trồng cây để phủ xanh phía trên rẫy lúa thành những đường đồng mức để vừa có củi đun, có cây làm hàng rào bảo vệ rẫy và giữ được độ ẩm cho đất, hạn chế sự xói mòn.

Sau khi phát đốt nương xong từ vài ba ngày, họ dọn những cây chưa cháy hết thành từng đống để đốt tiếp. Sau đó họ dùng cuốc, dao để làm bật các gốc cây nhỏ, gốc cỏ chưa cháy hết lên khỏi mặt đất và san đều mặt nương. Đối với nương mới khai phá lần đầu, để tận dụng độ màu mỡ, lớp mùn có sẵn trên tầng bề mặt đất, họ không cày, bừa mà dùng gậy để chọc lỗ tra hạt. Đối với nương cũ, sau

khi đã dọn sạch cỏ, nếu nương có mặt bằng ít đá và đất khô, họ dùng cày để lật đất, sau đó bừa cho tơi đất rồi dùng cuốc cào cho bằng; nếu nương có độ ẩm, có nhiều đá và độ dốc lớn thì dùng cuốc để dọn sạch cỏ trước khi gieo trồng... Như vậy, so với xưa kia, bên cạnh việc vẫn duy trì hình thức phát đốt, chọc lỗ, bở hạt, hiện nay họ đã dùng cày, cuốc để tác động cơ học lên đất. Điều đó đã làm gia tăng tốc độ xói mòn đất, và đất thoái hóa nhanh hơn.

Trong chăm sóc lúa, người Khơ-mú làm cỏ lần 1 khoảng 30 ngày sau khi gieo, lần 2 khoảng 30 ngày sau khi làm cỏ lần 1. Nếu chọc lỗ tra hạt thì dùng cuốc và dùng tay để nhổ cỏ; nếu gieo vãi, phải dùng tay để nhổ cỏ. Người Khơ-mú ở Co Chai chưa có thói quen dùng phân bón cho cây trồng khi làm cỏ, mà chỉ tỉa bớt các cây, để lại các cây tốt, trồng dặm ở những chỗ không có.

• Nương ngô

Do điều kiện canh tác trên đất dốc, xưa kia, trừ những ngày lễ tết, cưới xin, ma chay phần lớn thời gian trong năm, họ ăn ngô hoặc cơm độn ngô. Trong vài năm trở lại đây, một số hộ gia đình đã trồng các loại ngô mới, năng suất cao, nhưng các loại ngô truyền thống vẫn là chủ đạo. Khi gieo hạt người ta dùng gậy để chọc lỗ tra hạt hoặc dùng cuốc. Khoảng cách giữa các hốc ngô tùy theo từng loại giống ngô. Với ngô địa phương người ta thường gieo hàng cách hàng 40 - 50cm, mỗi hốc gieo từ 3 đến 4 hạt. Đối với ngô giống mới, người ta thường gieo dày hơn, gốc cách gốc từ 25 đến 30cm, hàng cách hàng 40 - 45cm. Họ thường gieo xen ngô với các loại bầu, bí, đậu. Việc xen canh vừa bảo vệ được đất

khỏi xói mòn, vừa tăng thêm độ mùn cho đất. Sau khi gieo khoảng 15 ngày, họ tiến hành vun đất vào gốc cho cây ngô và khi làm cỏ đợt 1, họ dùng cuốc để xáo cỏ và vun gốc. Lúc ngô đã chuẩn bị trở cò, người ta tiến hành làm cỏ vun gốc đợt 2 kết hợp bón phân đối với nương ngô giống mới.

• *Nương sắn*

Sắn chỉ là nguồn lương thực dự trữ khi mất mùa và dùng làm thức ăn chăn nuôi cho lợn, gà, vịt... nhưng mỗi gia đình đều có một đến hai nương sắn. Nương trồng sắn của người Kơ-mú ở Co Chai chỉ được trồng sau khi đã trồng 3 - 4 vụ ngô, lúa. Sau khi phát dọn cỏ người Kơ-mú cuốc các hố sâu khoảng 5 - 7cm, rộng 25 - 30cm, rồi cho hom sắn vào lấp lại. Khoảng cách mỗi gốc cách nhau khoảng 1,5m. Sau khi trồng được 2 - 3 tháng, họ tiến hành chăm sóc, dùng cuốc làm cỏ và vun đất vào gốc sắn. Sau khi trồng 10 tháng, sắn có thể thu hoạch được, tuy nhiên ở đây, người ta có thể để sắn trên nương 2 - 3 năm mà củ không bị hỏng, khi nào có nhu cầu thì họ mới nhổ. Trên nương sắn, người Kơ-mú cũng trồng xen ngô, đậu và bầu bí vào khoảng giữa hai gốc sắn.

• *Nương đậu, lạc, khoai sọ*

Nương trồng đậu, lạc của người Kơ-mú ở Co Chai thường là những nương xấu. Việc trồng đậu, lạc trên những nương này nhằm mục đích cải tạo và nâng cao độ phì cho đất quan trọng hơn là mục đích tạo thêm thu nhập. Về tính chất và tác dụng, cây đậu và lạc được biết đến như là hai loại cây vừa dễ tính, vừa có bộ rễ có giá trị bồi bổ và cải tạo đất. Dù nhỏ hay lớn, mỗi gia đình người Kơ-mú ở đây đều có 1 đến 2 đám

nương chuyên canh đậu, lạc. Hai loại cây này được trồng xen nhau, một hàng lạc, một hàng đậu hay hai hàng lạc, một hàng đậu. Khác với nương trồng các loại cây khác, nương trồng đậu, lạc phải làm đất kỹ bằng cuốc hoặc cày và mất nhiều công chăm sóc hơn so với nương trồng các loại cây khác.

Khoai sọ được họ trồng riêng trên những mảnh nương nhỏ, bằng phẳng và gần nước. Các giống khoai sọ truyền thống của họ gồm nhiều loại (dọc màu trắng, dọc màu tím, dọc màu vàng...). Khoai sọ của người Kơ-mú ở bản Co Chai có năng suất tương đối cao, củ rất lớn (thường từ 300 đến 500g). Đây không chỉ là loại lương thực mà còn là loại thực phẩm dùng để làm canh phổ biến trong các bữa ăn hàng ngày. Không những thế, khoai sọ còn là một loại lễ vật không thể thiếu được trong những nghi lễ của người Kơ-mú. Khoai sọ được trồng vào tháng 5 và thu hoạch vào cuối năm (dương lịch). Do được trồng ở nơi bằng phẳng, gần nguồn nước, diện tích lại không lớn, lại không được thâm canh nên đất trồng khoai sọ gần như trở thành đất vừa định canh, vừa chuyên canh. Ngoài các loại cây trên, trên nương họ trồng xen các loại cây như bầu, bí, ớt, cà, gừng, giềng, thuốc hút...; và xung quanh rẫy thường được trồng các loại cây ăn quả.

3.2. Nương luân canh

Hiện tại, để thích hợp với điều kiện mới, đối với một mảnh nương đất dốc mới được khai phá, người Kơ-mú ở Co Chai thường áp dụng các quy trình luân canh như sau: Hai năm đầu trồng lúa -> Năm thứ ba và thứ tư trồng ngô -> Năm thứ năm và thứ sáu trồng sắn -> Năm thứ bảy và thứ tám

trồng các loại đậu và các loại lạc. Các năm tiếp theo quay lại chu trình từ ngô, sắn, đậu, lạc. Với kỹ thuật luân canh như trên, nhìn chung, các đám đất nương dốc được trồng trong hàng chục năm mà vẫn cho năng suất khả quan. Tuy nhiên, để đảm bảo định canh hóa hoàn toàn và phát triển bền vững trên đất dốc, giải pháp này chưa phải là lựa chọn tối ưu. Do chưa có kỹ thuật canh tác nhằm bảo dưỡng đất trồng nên về lâu dài, độ phì của đất giảm xuống dưới mức cho phép dẫn đến nguy cơ thiếu đất và bần cùng hóa nếu không có biện pháp khắc phục.

3. Một vài nhận xét ban đầu

Từ sau khi Luật Đất đai ra đời (1993), đặc biệt là từ năm 1998 khi Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Luật Đất đai sửa đổi, với điều cấm phát rừng làm nương rẫy, vấn đề phát triển nương rẫy theo cách truyền thống đã có nhiều thay đổi. Cư dân nương rẫy cả nước nói chung và người Khor-mú ở bản Co Chai nói riêng không còn được tự do phát đốt rừng mở rộng và di chuyển nương rẫy một cách tự do. Sinh kế truyền thống gặp nhiều trở ngại lớn, điều này đã gây khó khăn cho việc đảm bảo an toàn lương thực. Họ vẫn phải canh tác trên những nương rẫy cũ của mình và nhận phần đất giao rừng trên phần đất nương rẫy cũ của mình với diện tích lớn hơn. Những nơi đất tốt họ thường làm nương rẫy và do nương rẫy của các hộ xen vào nhau, nên không còn một khoảng trống nào cho cây rừng. Những nguồn thu nhập khác của người Khor-mú ở Co Chai như chăn nuôi, đan lát, tiền chăm sóc rừng quá nhỏ bé nên những nương rẫy đã bạc màu vẫn không được bỏ hóa do quỹ đất để quay vòng không còn.

Mặc dù có ý thức trong bảo vệ đất, nhưng do canh tác bằng cày và cuốc trên đất dốc, trong khi trên nương không có hàng rào cây rừng bảo vệ nên đất bị bạc màu, rửa trôi và tro tầng đá; nhiều mảnh nương của người Khor-mú ở Co Chai đã bị hoang hóa không gì cứu vãn được. Trong tương lai gần, khi mà đất không đủ màu cho cây trái sinh trưởng nữa, cuộc sống của những người Khor-mú nói riêng và những cư dân nương rẫy nói chung sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến những biến đổi theo chiều hướng tiêu cực (như những cuộc di cư tự phát, phá rừng làm rẫy ở Tây Nguyên mà chưa có biện pháp nào ngăn chặn được).

Trong điều kiện của người Khor-mú ở Co Chai, với diện tích ruộng nước còn quá ít, họ chưa thể có những thay đổi mang tính đột phá nhằm chuyển đổi cơ cấu cây nông nghiệp và ngành nghề mới. Đối với họ, canh tác nương rẫy vẫn là hoạt động quan trọng cần duy trì và chưa thể xóa bỏ. Nguồn sinh kế chính của họ vẫn là hoa lợi từ nương rẫy mang lại. Nhưng với kỹ thuật thâm canh thấp kém, đất ngày càng bạc màu, năng suất cây trồng rất bấp bênh, nguy cơ đói vẫn thường xuyên đe dọa những cư dân nương rẫy này. Bên cạnh đó, sự tồn tại của nương rẫy là nguy cơ dẫn đến những vấn đề về suy thoái môi trường, phát triển bền vững. Một nghịch lý trong canh tác nương rẫy đặt ra từ nhiều năm nay đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Thực tiễn cho thấy, rất cần một chính sách riêng cho vấn đề phát triển nông nghiệp nương rẫy với xu hướng cải tạo nương rẫy thành ruộng bằng bền vững, ổn định, có điều kiện đầu tư khoa học, thâm canh, chuyên canh.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2001), *Khoa học và công nghệ bảo vệ và sử dụng bền vững đất dốc*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

2. Cục Định canh định cư và vùng kinh tế mới (2000), *Di dân, kinh tế mới, định canh định cư lịch sử và truyền thống*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

3. DFID (2005), *Nghiên cứu về chính sách định canh định cư ở Việt Nam (trong khuôn khổ chương trình 135)*, Hà Nội.

4. Khổng Diễn (và các tác giả) (1999), *Dân tộc Khơ-mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

5. Bế Việt Đăng (và các tác giả) (1996), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*, Nxb Chính trị quốc gia, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

6. Tạ Long, Ngô Thị Chính (2003), *Biến đổi môi trường dưới tác động của các hệ nhân văn ở Điện Biên, Lai Châu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Tổng cục Thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

8. Trần Đức Viên (và các tác giả) (1996), *Nông nghiệp trên đất dốc - thách thức và tiềm năng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

9. Trần Đức Viên (2001), *Thành tựu và thách thức trong quản lý tài nguyên và cải thiện cuộc sống người dân ở trung du miền núi Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Trần Đức Viên (Chủ biên) (2001), *Kinh nghiệm quản lý đất bỏ hóa sau nương rẫy ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.



Nương của người Dao ở xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Ảnh: Lê Mùi